TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 7 – CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 145/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 30/06/2026
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Vàng

*Các Hội thẩm nhân dân:*Ông Nguyễn Văn Hoành

Ông Liêu Trinh Húy

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Nguyễn Thuận Phát, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 - Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ tham gia phiên tòa: Bà Lê Ngọc Niềm – Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 06 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 - Cần Thơ. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 198/2026/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 05 năm 2026 về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 253/2026/QĐXXST – HNGĐ ngày 26 tháng 5 năm 2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Hà Thị Kiều N**, sinh ngày 01/01/1981 (Vắng mặt)

Căn cước công dân số 095181009063

Địa chỉ: Khu V, phường N, thành phố Cần Thơ.

Số điện thoại: 0857.762.774.

- *Bị đơn:* Ông **Nguyễn Văn L**, sinh ngày 01/01/1983. (Vắng mặt)

Căn cước công dân số 094083012556

Địa chỉ: Khu V, phường N, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1/ Theo đơn khởi kiện, quá trình tố tụng nguyên đơn bà Hà Thị Kiều N trình bày:

Về hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Văn L có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu (nay là Ủy ban nhân dân xã N, tỉnh Cà Mau) vào ngày 26/12/2011, và được cấp giấy chứng nhận kết hôn. Trong cuộc sống bà N và ông L có nhiều mâu thuẫn với nhau, ông L nhiều lần ghen tuông

vô cớ, không lo làm ăn kiếm tiền nuôi vợ con, lười biếng không chịu lao động, quá trình sống chung thường xuyên cự cãi với nhau, hiện nay giữa bà N và ông L không còn liên lạc với nhau, bà thấy tình cảm giữa hai vợ chồng không còn, không thể sống chung với nhau như vợ chồng được nữa. Vụ việc mâu thuẫn giữa hai vợ chồng bà không ai biết, bà và ông L đã ly thân từ năm 2024 đến nay. Bà N yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Văn L.

Về con chung: Bà và ông Nguyễn Văn L có hai đứa con chung tên Nguyễn Chí B, sinh ngày 16/9/2013 và Nguyễn Văn Đ, sinh ngày 03/12/2017, hai con cũng có nguyện vọng sống chung với bà, hiện nay bà N đang nuôi dưỡng hai con và yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng hai con, không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung, nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ và chồng sau khi ly hôn: Bà N không yêu cầu xem xét.

Bà N xin được xét xử vắng mặt vì điều kiện đi lại xa nên không thể có mặt khi Tòa án triệu tập.

***2/ Bị đơn ông Nguyễn Văn L*:** Ông L đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng thể hiện yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hà Thị Kiều N nhưng ông L không có ý kiến phản đối, không tham gia hòa giải cũng không đến Tòa án tham gia phiên tòa.

3/ Ý kiến nguyện vọng của hai cháu Nguyễn Chí B, sinh ngày 16/9/2013 và Nguyễn Văn Đ, sinh ngày 03/12/2017: Cháu B và cháu Đ có nguyện vọng muốn sống với mẹ là bà N, khi các cháu ở với cha thì cha các cháu từng có hành vi đè các cháu xuống dự kiến cho các cháu uống thuốc sâu.

4/ Kiểm sát viên thuộc Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ và đưa vụ án ra xét xử đúng thời gian, đúng trình tự thủ tục của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đúng thành phần, thực hiện đầy đủ các thủ tục, trình tự khi xét xử vụ án. Nguyên đơn vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt là chấp hành đúng quy định triệu tập của Bộ luật Tố tụng dân sự; còn bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do chính đáng là chưa chấp hành đúng quy định triệu tập của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Kiểm sát viên phát biểu về tính có căn cứ về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hà Thị Kiều N, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Hà Thị Kiều N, giải quyết các mối quan hệ như sau:

+ Về quan hệ hôn nhân: Bà Hà Thị Kiều N được ly hôn với ông Nguyễn Văn L.

+ Về con chung: Giao hai cháu Nguyễn Chí B, sinh ngày 16/9/2013 và Nguyễn Văn Đ, sinh ngày 03/12/2017 cho bà Hà Thị Kiều N tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng đến đủ 18 (mười tám) tuổi. Ông Nguyễn Văn L có quyền và nghĩa

vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định của pháp luật. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

+ Về tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn: Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

+ Bà N chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Nguyên đơn bà Hà Thị Kiều N khởi kiện yêu cầu ly hôn, nuôi con với ông Nguyễn Văn L cư trú tại khu vực V, phường N, thành phố Cần Thơ. Nên Tòa án xác định loại kiện "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về vắng mặt đương sự: Nguyên đơn bà Hà Thị Kiều N vắng mặt nhưng có yêu cầu xét xử vắng mặt và bị đơn ông Nguyễn Văn L đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và các khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Hà Thị Kiều N và ông Nguyễn Văn L là những người có đầy đủ điều kiện kết hôn, ngày 26/12/2011 bà N và ông L tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu (nay là Ủy ban nhân dân xã N, tỉnh Cà Mau) và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn. Do vậy quan hệ hôn nhân giữa bà N và ông L là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Trong cuộc sống hôn nhân giữa bà N và ông L, theo bà N nhận thấy giữa bà N và ông L có nhiều mâu thuẫn với nhau, ông L nhiều lần ghen tuông vô cớ, không lo làm ăn kiếm tiền nuôi vợ con, lười biếng không chịu lao động, quá trình sống chung thường xuyên cự cãi với nhau, hiện nay giữa bà N và ông L không còn liên lạc với nhau. Nên bà N vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Văn L. Ông L không có ý kiến phản đối yêu cầu ly hôn của bà N, không đến Tòa án để hòa giải, giải quyết mâu thuẫn trong hôn nhân. Xét thấy, nền tảng của mối quan hệ hôn nhân vững chắc là việc vợ chồng yêu thương nhau, quan tâm, chăm sóc nhau, tin tưởng và tôn trọng lẫn nhau. Trong cuộc sống vợ chồng của bà N và ông L đã không còn sự quan tâm, thương yêu dành cho nhau, không còn tin tưởng nhau, bà N và ông L đã ly thân với nhau không còn liên lạc với nhau, mâu thuẫn giữa bà N và ông L là trầm trọng không thể khắc phục, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà Hà Thị Kiều N được ly hôn với ông Nguyễn Văn L.

[4] Về con chung: Bà Hà Thị Kiều N và ông Nguyễn Văn L có hai con chung là cháu Nguyễn Chí B, sinh ngày 16/9/2013 và Nguyễn Văn Đ, sinh ngày 03/12/2017 đang sống chung với bà N, bà N yêu cầu được nuôi hai đứa con chung, ông L không có ý kiến phản đối; các cháu B và Đ hiện nay đều hơn 07 tuổi và đều có nguyện vọng sống chung với mẹ là bà N. Xét thấy, tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: "*Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con;* ***nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con****"*. Giữa bà N và ông L không thống nhất thỏa thuận với nhau về việc giao con chung cho ai nuôi dưỡng nên Hội đồng xét xử sẽ quyết định về việc giao con cho ai nuôi dưỡng. Do các cháu B và Đ hiện nay đều hơn 07 tuổi và đều có nguyện vọng sống chung với mẹ là bà N, các cháu cũng trình bày không muốn sống chung với cha vì khi sống với cha thì cha có hành vi ép các cháu uống thuốc sâu, các cháu cũng đang được bà N trực tiếp nuôi dưỡng và cho đi học nên cần tôn trọng nguyện vọng của các cháu, ổn định môi trường sống, ổn định tâm lý trẻ em nên quyết định giao các cháu B và Đ cho bà N tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định pháp luật cho ông Nguyễn Văn L theo quy định của pháp luật. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng sau khi ly hôn: Các đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 của Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc bà Hà Thị Kiều N phải chịu án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng bà N được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0008540, ngày 05/05/2026 của cơ quan Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ. Ông Nguyễn Văn L không phải chịu án phí.

[7] Từ những phân tích nêu trên, xét lời đề nghị của Kiểm sát viên là có cơ sở và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; các khoản 1, 3 Điều 228; Điều 266; Điều 271, Điều 273, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*** Tuyên xử:**

1/ Về quan hệ hôn nhân: Bà Hà Thị Kiều N được ly hôn với ông Nguyễn Văn L.

2/ Về con chung: Giao các cháu Nguyễn Chí B, sinh ngày 16/9/2013 và Nguyễn Văn Đ, sinh ngày 03/12/2017 cho bà Hà Thị Kiều N tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng đến đủ 18 (mười tám) tuổi. Ông Nguyễn Văn L có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định của pháp luật. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

3/ Về tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn: Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

4/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc bà Hà Thị Kiều N phải chịu án phí là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Bà Hà Thị Kiều N được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0008540, ngày 05/05/2026 của cơ quan Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ.

Ông Nguyễn Văn L không phải chịu án phí.

5/ Quyền kháng cáo: Các đương sự đều vắng mặt thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết hợp lệ.

6/ Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu yêu cầu thi hành án: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung.

***Nơi nhận*:**
- TAND thành phố Cần Thơ;
- VKSND khu vực 7 – Cần Thơ;
- Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ;
- Phòng THADS khu vực 7 – Cần Thơ;
- Các đương sự;
- UBND xã Ninh Quới, tỉnh Cà Mau;
- Lưu VT, Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Thị Vàng